

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Trí;

Ông Ngô Văn Khon.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:
Không.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Võ Văn A. Địa chỉ: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp (Có đơn xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị B. Địa chỉ: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp (Có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 7 năm 2017 và biên bản hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn anh Võ Văn A trình bày:

+ Anh và chị do tìm hiểu với nhau và tổ chức đám cưới vào năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu thì sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, anh chị luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống và anh chị sống ly thân từ đó đến nay.

Nay anh yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị B.

+ Về con chung: Anh và chị có 01 con chung là cháu Võ Duy C. Hiện nay cháu C đang sống với chị B. Nay anh thống nhất giao cháu C cho chị B được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh thống nhất cấp dưỡng nuôi cháu C với mức

cấp dưỡng hàng tháng là $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở cho đến khi cháu trưởng thành và có khả năng lao động tạo thu nhập.

+ Về tài sản chung: Anh và chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Anh chị không thiếu nợ ai và không ai nợ lại anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15 tháng 8 năm 2017 và biên bản hòa giải tại Tòa án bị đơn, chị Lê Thị B trình bày:

+ Chị thống nhất về quá trình chung sống với anh A, chị và anh A tổ chức đám cưới vào năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống anh chị luôn bất đồng quan điểm và anh chị sống ly thân đầu năm 2017 đến nay.

Nay anh A yêu cầu ly hôn với chị, chị thống nhất theo yêu cầu anh A.

+ Về con chung: Anh và chị có 01 con chung là cháu Võ Duy C. Hiện nay chị đang nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu C đến trưởng thành. Chị yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng hàng tháng là $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở cho đến khi cháu C trưởng thành và có khả năng lao động tạo thu nhập.

+ Về tài sản chung: Anh và chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Anh chị không thiếu nợ ai và không ai nợ lại anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1.] Vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Điều 28, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 28, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2.] Về việc vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1.] Sau khi Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của các đương sự, các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt, công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án và nhận định như sau:

Thời điểm anh A, chị B sống chung như vợ chồng, anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, nhưng chung sống với nhau như vợ chồng từ

năm 2004 đến nay mà không đăng ký kết hôn theo luật định nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ theo quy định pháp luật. Do anh A và chị B chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào các Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh A và chị B là phù hợp.

Khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này;...”

[2.2.] Về con chung: Cháu C có nguyện vọng được sống với chị B và anh A thống nhất giao cháu C cho chị B được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành nên Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận giữa anh A và chị B là phù hợp theo nguyện vọng của cháu C nên giao cháu C cho chị B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh A và chị B về cấp dưỡng nuôi con.

[2.3.] Về tài sản chung: Anh và chị không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4.] Về nợ chung: Anh chị không thiếu nợ ai và không ai nợ lại anh chị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5.] Về án phí: Anh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 227, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 15, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử;

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Võ Văn A và chị Lê Thị B.

2. *Về con chung:*

Công nhận sự tự nguyện của anh A và chị B về nuôi con: Giao cháu Võ Duy C cho chị B được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Công nhận sự tự nguyện của anh A và chị B về cấp dưỡng nuôi con: Anh A cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng hàng tháng là $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở cho đến khi cháu C trưởng thành có khả năng lao động tạo thu nhập. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 14 tháng 9 năm 2017.

Anh Võ Văn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Võ Văn A phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ do anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình theo biên lai số: BN/2013- 14404 ngày 15 tháng 8 năm 2017. Anh Võ Văn A còn phải nộp thêm 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Thanh Bình;
- Chi cục THADS H.Thanh Bình;
- Đương sự;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Bùi Văn Toán